

Bản án số: 11/2017/HSST
Ngày 27/10/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bàn Văn Chanh và ông Lò Việt Huân.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Hà Thị Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Mùi Thị Quyên, Kiểm sát viên.

Ngày 27/10/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 205/2017/HSST ngày 01/9/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2017/HSST-QĐ ngày 12/10/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lò Văn T1**, sinh năm 1990 tại huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn B và bà Lò Thị Á; có vợ là Hoàng Thị N và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt theo Quyết định truy nã, tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2017 đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: **Lò Thị L**, sinh năm 1983 tại huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn N (Đã chết) và bà Lò Thị T2 (Là bị cáo trong cùng vụ án); bị cáo có chồng là Nguyễn Xuân T (Đã ly hôn) và có 05 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh ngày 05/4/2017; tiền sự: Không; có một tiền án: Ngày 02/5/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 05 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy và tội tàng trữ trái phép chất ma túy (Đang được hoãn thi hành án). Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/5/2017 đến ngày 08/9/2017 bị truy nã, đến nay chưa bắt được. Vắng mặt.

3. Họ và tên: **Lò Thị T2**, sinh năm 1961 tại huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn

hóa: 3/10; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn T và bà Lò Thị O (Đều đã chết); bị cáo có chồng là Lò Văn N (Đã chết) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2017 đến nay. Có mặt.

Người làm chứng: Sa Thanh H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 26/5/2017, tổ công tác Công an huyện Mộc Châu làm nhiệm vụ tại bản T, xã C, huyện M phát hiện tại nhà ở của Lò Thị T2 có Sa Thanh H đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tổ công tác phát hiện thu giữ trên tay trái của H đang cầm 01 chiếc bật lửa ga màu xanh dương, 01 mảnh giấy bạc đã bị đốt cháy, 01 mảnh giấy một mặt màu trắng một mặt có chữ, phía dưới chân của H có 01 viên nén màu hồng trên bề mặt có ký hiệu WY nghi là ma túy tổng hợp (Hong phiến). H và T2 khai nhận đó là ma túy tổng hợp (Hong phiến) của Hải, H vừa sử dụng hết 03 viên hồng phiến, còn lại 01 viên H chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang. Trong nhà Lò Thị T2 này lúc này còn có Lò Thị L (Con gái của Thọ).

Nguồn gốc số Hồng phiến để có sử dụng H khai là vừa nhờ Lò Thị T2 mua của Lò Văn T1 04 viên Hồng phiến hết 200.000đ.

Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng và dẫn giải Lò Thị T2, Sa Thanh H về Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu để điều tra, làm rõ.

Cùng ngày 26/5/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở và đồ vật của Lò Thị T2. Quá trình khám xét, Lò Thị L lấy từ trong lọ hoa ở đầu giường ngủ của Lập ra 01 túi nilon màu trắng bên trong đựng cục bột màu trắng ra giao nộp cho tổ công tác. Lập khai nhận đó là Hêrôin Lập cất giấu để bán kiếm lời. Quá trình khám xét có thu giữ 01 chứng minh nhân dân mang tên Lò Thị T2.

Ngày 27/5/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu, đã mở niêm phong, cân tách bì xác định trọng lượng, lấy mẫu giám định xác định có phải là ma túy không, thuộc loại chất ma túy gì, trọng lượng (Khối lượng) của mẫu gửi giám định là bao nhiêu đối với số vật chứng nghi là ma túy thu giữ của Sa Thanh H và Lò Thị L như sau:

- Cân tách bì 01 viên nén màu hồng nghi là ma túy tổng hợp (Hong phiến) thu giữ của Sa Thanh H được trọng lượng 0,09 gam. Lấy toàn bộ 01 viên được trọng lượng 0,09 gam làm mẫu gửi giám định, mẫu ký hiệu “H”.

- Cân tách bì số cục bột màu trắng nghi là Hêrôin thu giữ của Lò Thị L được trọng lượng 2,54 gam. Lấy 0,54 gam làm mẫu gửi giám định, mẫu ký hiệu “L”.

Tại Kết luận giám định số 547/KLMT ngày 30/5/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Mẫu vật gửi giám định ký hiệu L là chất ma túy, loại chất Hêrôin; trọng lượng của mẫu gửi giám định là 0,54 gam. Mẫu vật gửi giám định ký hiệu H là chất ma túy, loại chất Methamphetamine; trọng lượng của mẫu gửi giám định là 0,09 gam. Trọng lượng chất ma túy thu giữ là 2,54 gam; Loại chất Hêrôin và 0,09 gam; Loại chất Methamphetamine.

Quá trình điều tra Lò Thị T2, Lò Văn T1, Lò Thị L và Sa Thanh H khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Ngày 26/5/2017, T1 mua được 05 viên Hồng phiến của một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết T1 gặp ở biên giới Việt Nam – Lào với giá 150.000 đồng để sử dụng và bán kiếm lời. T1 đã sử dụng hết 01 viên, còn lại 04 viên. Khoảng 12 giờ ngày 26/5/2017 T1 đã bán cho Lò Thị T2 04 viên Hồng phiến với giá 200.000đ.

Lò Thị T2 khai nhận khoảng 12 giờ ngày 26/5/2017 T2 có mua của T1 04 viên Hồng phiến với giá 200.000đ, mục đích là mua hộ cho Sa Thanh H sử dụng. Sau khi T2 đưa hồng phiến cho Hải, H xin T2 cho sử dụng ma túy tại nhà Thọ, T2 đồng ý và H đã mượn T2 bật lửa ga để H sử dụng Hồng phiến tại nhà của Thọ. Khi H vừa sử dụng hết 03 viên Hồng phiến, còn 01 viên Hồng phiến chưa kịp sử dụng thì bị tổ công tác bắt quả tang.

Lò Thị L khai nhận ngày 12/5/2017, Lò Thị L mua được 01 gói Hêrôin với một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết gặp ở biên giới Việt Nam – Lào với giá 1.000.000 đồng, mục đích bán kiếm lời. Đến ngày 26/5/2017, khi Công an huyện Mộc Châu thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp đối với nơi ở và đồ vật của Lò Thị T2, Lò Thị L đã lấy gói Hêrôin chưa kịp bán ra giao nộp và khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của bản thân.

Bản cáo trạng số 168/CT-VKS ngày 31/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu truy tố Lò Văn T1, Lò Thị L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự, truy tố Lò Thị T2 về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 198 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Lò Văn T1, Lò Thị L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, Lò Thị T2 phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Áp dụng các căn cứ pháp luật xử phạt đối với từng bị cáo như sau:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn T1 từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Thị L từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tổng hợp với hình phạt của bản án hình sự phúc thẩm số 39/2013/HSPT ngày 02/5/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt Lò Thị L 05 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy và tội tàng trữ trái phép chất ma túy, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 198; Điều 30; điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Thị T2 từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Phạt bổ sung - phạt tiền đối với bị cáo từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ.

4. Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự: Truy thu sung quỹ Nhà nước đối với Lò Văn T1 số tiền 200.000đ do phạm tội mà có. Trả lại cho Lò Thị T2 01 chứng minh nhân dân mang tên Lò Thị T2. Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong bên ngoài ghi vật chứng thu giữ của Lò Thị L (02 gam Hêrôin và vỏ gói niêm phong ban đầu); 01 phong bì niêm phong bên ngoài ghi Test thử của Lò Văn T1 ngày 20/7/2017 KQ dương tính; 01 chiếc bật lửa ga màu xanh đã qua sử dụng cũ, 01 mảnh giấy bạc đã bị đốt và 01 mảnh giấy có chữ.

5. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Lò Văn T1, Lò Thị T2 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về quá trình tiến hành tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với Lò Thị L đã bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (xã C, huyện M) do bị cáo là phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Tuy nhiên, theo các tài liệu có trong hồ sơ gồm: Công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân và Công an xã C, các biên bản xác minh của Công an xã C và Công an huyện Mộc Châu thì hiện nay bị cáo không còn nuôi dưỡng cháu nhỏ nào, bị cáo không có mặt tại nơi cư trú, không rõ bị cáo đi đâu, làm gì. Căn cứ vào Điều 187 Bộ luật Tố tụng hình sự và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 13/2012/TTLT ngày 09/10/2012 của Bộ Công an – Bộ Tư pháp – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Tòa án nhân dân tối cao, ngày 07/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu yêu cầu cơ quan

điều tra truy nã bị cáo và tạm đình chỉ vụ án. Ngày 12/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu có công văn trả lời về việc truy nã chưa có kết quả. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu xét xử vắng mặt bị cáo Lò Thị L theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 187 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi của các bị cáo:

Tại Cơ quan điều tra, các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung của Lò Thị L đều khai nhận toàn bộ hành vi ngày 26/5/2017 cất giữ trái phép 2,54 gam Hêrôin để bán kiếm lời và khai nhận việc chứng kiến Lò Văn T1, Lò Thị T2, Sa Thanh H mua bán hồng phiến với số tiền 200.000đ, chứng kiến việc Lò Thị T2 cho Sa Thanh Hải sử dụng hồng phiến tại nhà của T2. Bị cáo đã được nhận bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, có ý kiến nhất trí với bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Đối với các bị cáo Lò Văn T1, Lò Thị T2 tại phiên toà vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu, các bị cáo không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án, các bị cáo hoàn toàn nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu.

Xét lời khai của các bị cáo T1, L, T2 là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nhau, phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, vật chứng đã thu giữ; biên bản mở niêm phong xác định trọng lượng, lấy mẫu giám định, niêm phong lại vật chứng; kết luận giám định, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ căn cứ khẳng định: Ngày 26/5/2017, Lò Văn T1 đã thực hiện hành vi bán trái phép cho Lò Thị T2 04 viên ma túy tổng hợp (Hồng phiến) với giá 200.000 đồng, Lò Thị T2 đã mua hộ cho Sa Thanh H 04 viên ma túy tổng hợp của Lò Văn T1 để H sử dụng. Lò Thị T2 đã đưa bật lửa và đồng ý cho H sử dụng địa điểm là nhà ở của T2 để H sử dụng trái phép chất ma túy. H đã sử dụng 03 viên ma túy tổng hợp (Hồng phiến), còn lại 01 viên ma túy tổng hợp (Hồng phiến) có trọng lượng 0,09 gam chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ. Lò Thị L đã thực hiện hành vi cất giấu trái phép 2,54 gam Hêrôin để bán kiếm lời.

Hành vi của bị cáo Lò Văn T1, bị cáo Lò Thị L đã đủ yếu tố cấu thành tội mua bán trái phép chất ma túy. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Lò Thị T2 đã đủ yếu tố cấu thành tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 198 Bộ luật Hình sự. Khoản 1 Điều 194 và khoản 1 Điều 198 Bộ luật Hình sự đều quy định mức phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý chất ma túy của Nhà nước, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo đều nhận thức được việc mua bán trái phép chất ma túy và chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Cần quyết định hình phạt nghiêm khắc và phù hợp nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Xét về nhân thân của các bị cáo: Lò Văn T1 là đối tượng nghiện chất ma túy. Các bị cáo Lò Văn T1, Lò Thị T2 phạm tội lần đầu. Đối với Lò Thị L, ngày 02/5/2013 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 05 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy và tội tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo đang trong thời gian được hoãn thi hành án lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp “tái phạm”, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lò Văn T1 được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có bố để được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Đối với Lò Thị T2, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi bị bắt đã tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm, có bố để được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến, được áp dụng điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Đối với Lò Thị L, bị cáo trốn tránh, truy nã chưa bắt được nhưng trong quá trình điều tra bị cáo đã giao nộp vật chứng, khai báo nhận tội thành khẩn nên áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Đối với Lò Thị L: Bị cáo phạm tội mới trong thời gian hoãn chấp hành hình phạt của bản án trước, cần áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[6] Về hình phạt bổ sung - phạt tiền: Quá trình điều tra, xác minh và xét hỏi tại phiên toà thấy bị cáo Lò Văn T1, Lò Thị L không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung – phạt tiền đối với các bị cáo. Đối với bị cáo Lò Thị T2 có một nhà gỗ, một xe máy và các đồ dùng sinh hoạt. Theo quy định tại khoản 3 Điều 198 Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị phạt tiền từ 50 triệu đến 200 triệu đồng. Xét điều kiện về tài sản của bị cáo T2 thấy cần áp dụng Điều 30 Bộ luật Hình sự để quyết định mức phạt tiền phù hợp.

[7] Đối với hành vi của Lò Thị T2 mua của Lò Văn T1 04 viên ma túy tổng hợp (Methamphetamine) cho Sa Thanh H sử dụng và hành vi của Sa Thanh H tàng trữ trái phép chất ma túy: Quá trình điều tra xác định bị cáo T2 mua ma túy cho H là do nể nang, không có vụ lợi. Lò Thị T2 không có tiền án, tiền sự. Sa Thanh H có hai tiền án về tội đánh bạc, không có tiền sự. Công an huyện Mộc Châu đã xử phạt hành chính đối với hành vi trên của Thọ, H là phù hợp.

Đối với hành vi của Lò Thị L cất giấu ma túy để bán tại địa điểm nhà ở của Lò Thị T2: Quá trình điều tra xác định T2 không biết hành vi trên của Lập nên không đề cập việc xử lý đối với Thọ.

Đối với người bán ma túy cho Lò Văn T1 và người bán ma túy cho Lò Thị L, do các bị cáo không biết tên và địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ điều tra, xử lý.

[8] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với các vật chứng gồm: 01 phong bì niêm phong bên ngoài ghi vật chứng thu giữ của Lò Thị L (02 gam Hêrôin và vỏ gói niêm phong ban đầu); 01 phong bì niêm phong bên ngoài ghi Test thử của Lò Văn T1 ngày 20/7/2017 KQ dương tính; 01 chiếc bật lửa ga màu xanh đã qua sử dụng cũ, 01 mảnh giấy bạc đã bị đốt và 01 mảnh giấy có chữ. Xét là chất ma túy, vật không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 200.000đ Lò Văn T1 bán ma túy mà có đã chi tiêu hết, không thu lại được, cần truy thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chứng minh nhân dân mang tên Lò Thị T2 là giấy tờ tùy thân của bị cáo, cần trả lại cho bị cáo.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Xét cần tiếp tục tạm giam các bị cáo Lò Văn T1, Lò Thị T2 để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Lò Văn T1, Lò Thị L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo Lò Thị T2 phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lò Văn T1 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 20 tháng 7 năm 2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung - phạt tiền đối với bị cáo.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 187 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Xử phạt bị cáo Lò Thị L 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung - phạt tiền đối với bị cáo.

Tổng hợp với hình phạt của bản án hình sự phúc thẩm số 39/2013/HSPT ngày 02/5/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt Lò Thị L 05 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy và tội tàng trữ trái phép chất ma túy, được trừ 03 (Ba) ngày tạm giữ, còn phải chấp hành tiếp 04 (Bốn) năm 11 (Mười một) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (Chín) năm 05 (Năm) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày vào trại chấp hành hình phạt.

3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 198; Điều 30; điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lò Thị T2 24 (Hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 27 tháng 5 năm 2017.

Phạt bổ sung - phạt tiền đối với Lò Thị T2 số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

4. Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong bên ngoài ghi vật chứng thu giữ của Lò Thị L (02 gam Hêrôin và vỏ gói niêm phong ban đầu); 01 phong bì niêm phong bên ngoài ghi Test thử của Lò Văn T1 ngày 20/7/2017 KQ dương tính; 01 chiếc bật lửa ga màu xanh đã qua sử dụng cũ, 01 mảnh giấy bạc đã bị đốt và 01 mảnh giấy có chữ.

Truy thu sung quỹ Nhà nước đối với Lò Văn T1 số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) do phạm tội mà có.

Trả lại cho Lò Thị T2 01 chứng minh nhân dân mang tên Lò Thị T2.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lò Văn T1, Lò Thị L, Lò Thị T2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn).

Các bị cáo Lò Văn T1, Lò Thị T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo Lò Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Trại giam;
- UBND xã C, huyện Mộc Châu (niêm yết);
- THAHS;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Hạnh